

Số: 40/2017/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 3 như sau:



“3. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 được thực hiện tại địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025.”

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

1. Dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 được thực hiện tại địa phương.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.”

3. Khoản 6 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.”

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và tổng hợp vào tổng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công

Bảng 2. Mức chi hoạt động của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		



	Chủ tịch Hội đồng		800	400
	Phó chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		640	320
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		240	120
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá:	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		560	280
	Thành viên tổ thẩm định		400	200
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu	Nhiệm vụ		



	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên Hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc thực tế phát sinh và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

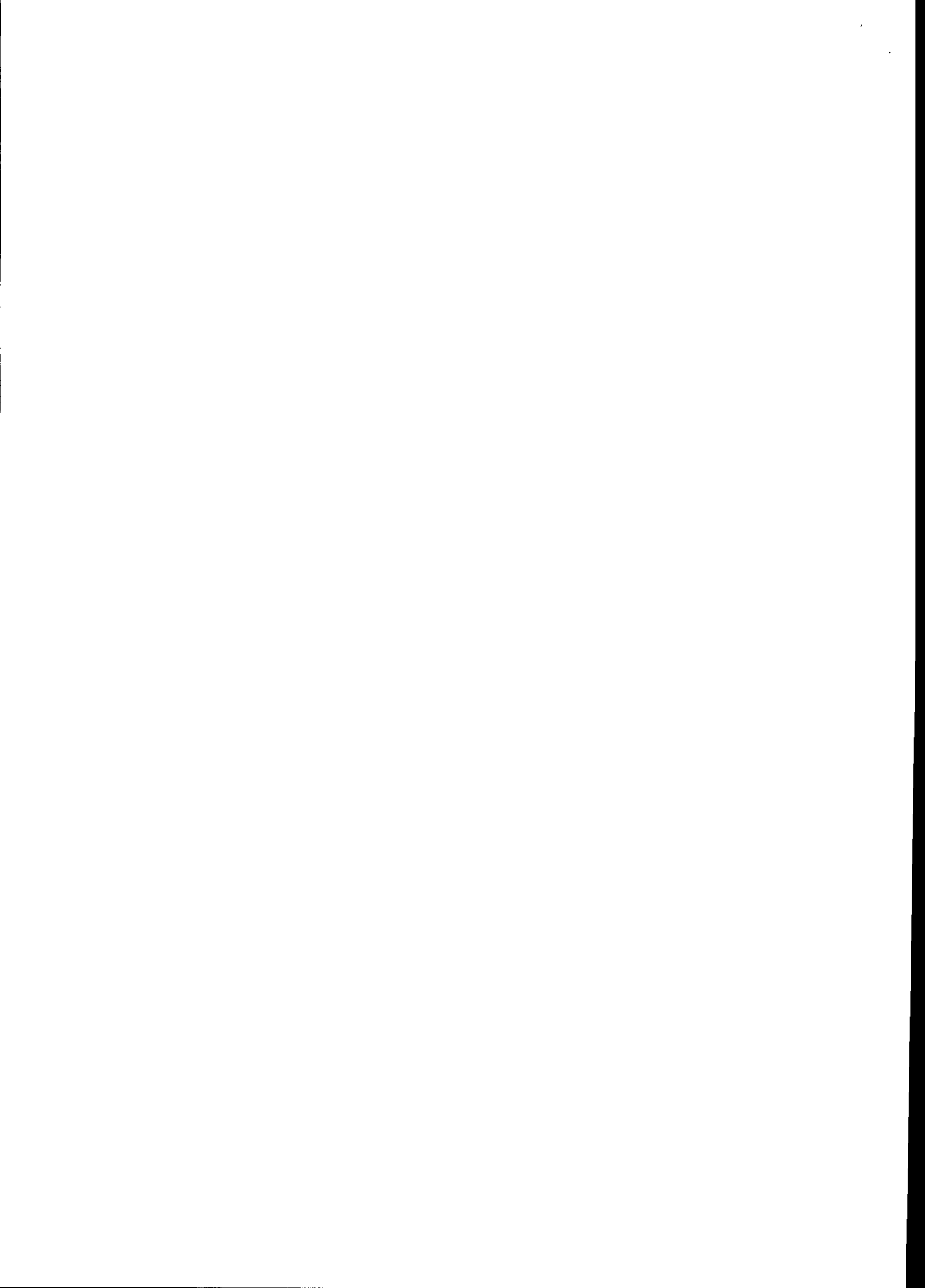
3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 quy định này.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.



6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo mức chi nêu tại Bảng 3 dưới đây

Bảng 3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Khoản tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ, cán bộ, công chức, các tổ chức, cá nhân khác có tham gia quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Tháng	300.000đ/người/tháng
2	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	
a)	Nhận xét kết quả nghiên cứu trong báo cáo tổng kết để đưa ra Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức (kèm bảng nhận xét)		200.000đồng/nhiệm vụ
b)	Thẩm định chỉnh sửa báo cáo tổng kết sau khi được thống nhất tại Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức (kèm bảng thẩm định, chỉnh sửa)		300.000đồng/nhiệm vụ
c)	Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đính kèm biên bản quyết toán)		200.000đồng/người/nhiệm vụ, tối đa không quá 05 người/nhiệm vụ
d)	Phục vụ hội trường, thiết bị, máy móc trong các cuộc họp liên quan đến thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		50.000đồng/người/tối đa không quá 02 người/nhiệm vụ
3	Các khoản chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	
a)	Chi soạn thảo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trước khi cấp kinh phí		200.000đồng/người/nhiệm vụ, tối đa không quá 03 người/nhiệm vụ
b)	Chi đơn đốc, thanh lý và lưu hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		100.000đồng/người/nhiệm vụ, tối đa không quá 03 người/nhiệm vụ

5. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý kinh phí cấp kinh phí cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2017. *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- TT.UBMTTQ tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng NC, Ban TCD;
- Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT (Tâm). *J*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *W*



Phạm Anh Tuấn